TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2018
"V/v Tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Mạnh Quyết

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu– Thư ký tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X: Ông Phạm Văn Lường – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 28/2018/TLST-HNGĐ, ngày 26/02/2018 về việc "Tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Mai Kim H**, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp 4, xã TT, huyện TH, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp 4, xã MP, huyện X, tỉnh Long An.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Mai Văn H, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp 4, xã TT, huyện TH, tỉnh Long An.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1959. Địa chỉ: ấp 4, xã MP, huyện X, tỉnh Long An.

- Ngân hàng chính sách xã hội huyện TH, tỉnh Long An. Địa chỉ: Đường Hùng Vương, khu phố 2, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp là ông: Trần Sỹ H– Giám đốc

(Các đương sự được triệu tập đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/01/2018, bản tự khai ngày 27/02/2018 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Mai Kim H có nội dung như sau:

Bà và ông H kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn ngày 05/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã MP, huyện X, tỉnh Long An. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông H thường xuyên đánh đập bà và không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng bà đã ly thân gần 01 năm. Nay thấy không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân này nên bà H kiên quyết xin ly hôn với ông H.

Về con chung không có.

Về tài sản chung: Bà H xác định bà và ông H có các tài sản chung như sau:

- Căn nhà sàn kích thước ngang 5m, dài 12m (nền bê tông, mái tole, vách tường) trị giá căn nhà khoảng 50.000.000đ. Căn nhà này được cất nhờ trên thửa đất số 116, tờ bản đồ số 1, tọa lạc ấp 4, xã TT, huyện TH, tỉnh Long An do ông Mai Văn H đứng tên.

- Dây hụi 2.000.000đ khui ngày 05/6/2016, gồm 19 thành viên. Bà tham gia 01 phần, đã đóng được 10 lần, tổng cộng được 14.220.000đ. Hiện nay, hụi này vẫn đang hoạt động và còn 9 phần hụi sống. Bà chưa hốt hụi.

- Dây hụi 1.000.000đ khui ngày 20/01/2016, gồm 25 phần. Bà tham gia 01 phần. Bà đã hốt hụi kỳ thứ 24 với số tiền là 22.600.000đ. Hiện do ông H giữ số tiền này.

Cả hai dây hụi đều do bà Nguyễn Thị Ngọc Đ làm chủ. Những tài sản chung này bà yêu cầu chia đôi (căn nhà + 14.220.000đ + 22.600.000đ)

Về nợ chung: Bà H xác định bà và ông H có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện TH 2 khoản:

- Ngày 21/02/2014 vay 4.000.000đ của chương trình nước sạch.

- Ngày 21/3/2014 vay 4.000.000đ của chương trình vệ sinh môi trường.

Lãi suất 2 khoản vay trên là 0,8%/tháng, thời hạn trả là 21/3/2019, bà người đóng lãi hàng tháng. Bà vay tiền để kéo nước sạch và xây nhà vệ sinh do đó khi ly hôn với ông H, khoản nợ này yêu cầu chia đôi.

Còn khoảng nợ 9.000.000đ bà đã vay ngày 07/3/2017 của Ngân hàng chính sách xã hội huyện TH là khoản nợ riêng của bà.

* Bị đơn ông Lê Văn H trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt, không làm bản tự khai không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào và không có ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì đối với việc khởi kiện của bà H, cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện T H trình bày: Bà H và ông H có vay của ngân hàng 02 khoản vay như bà H trình bày. Nay vợ chồng bà H ly hôn, yêu cầu bà H và ông H liên đới trả 4.000.000đ tiền đã vay ngày 21/02/2014 và 4.000.000đ tiền đã vay ngày 21/3/2014 là khoản nợ của chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Mặc dù đến ngày 21/3/2019 mới đến hạn trả nợ, nhưng do bà H và ông H đang làm thủ tục xin ly hôn nên yêu cầu bà H, ông H trả nợ cho ngân hàng, cụ thể như sau:

Khoản vay ngày 21/02/2014: Đến ngày 27/6/2018 bà H và ông H phải trả cho ngân hàng tiền lãi là 1.684.968đ. Bà H đã trả 1.663.926đ tiền lãi. Tổng tiền lãi và gốc bà H và ông H phải trả là gốc 4.000.000đ + 21.042đ = 4.021.042đ.

Khoản vay ngày 21/3/2014: Đến ngày 27/6/2018 bà H và ông H 1.659.991đ. Bà H đã trả 1.638.950đ tiền lãi. Tổng tiền lãi và gốc bà H và ông H phải trả là gốc 4.000.000đ + 21.042đ = 4.021.042đ. Tổng cộng hai khoản là 8.042.082đ. Kể từ ngày 28/6/2018 bà H và ông H phải thêm tiền lãi theo hợp đồng vay vốn đã ký kết với ngân hàng.

Ông Mai Văn H trình bày: Thửa đất số 116, tờ bản đồ số 1, tọa lạc ấp 4, xã TT, huyện TH, tỉnh Long An do cha ông cho ông. Ông đã được Ủy ban nhân dân huyện TH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 116 ngày 21/7/2010. Năm 2012, ông có cho chị ông là bà H mượn đất cất nhà để buôn bán. Khi bà H ly hôn thì chỉ được yêu cầu chia nhà, còn đất thì phải trả lại cho ông. Khi nào bà H không sử dụng đất nữa thì trả đất lại cho ông. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ: Bà Đ dù được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa để tham gia hòa giải, không có làm bảng tự khai và cũng không có yêu cầu gì và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn với ông H. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của bà H. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách huyện THvề việc yêu cầu bà H, ông H trả nợ đã vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của bà Mai Kim H trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Mai Kim H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn H. Ông H cư trú tại xã MP, huyện X, tỉnh Long An, nên Tòa án nhân dân huyện X thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng vẫn không tham gia phiên tòa sơ thẩm là từ bỏ quyền lợi của mình. Các đương sự còn lại có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, bị đơn không đến Tòa để trình bày ý kiến, không có phản đối gì đối với yêu cầu của bà H là từ bỏ quyền lợi của mình, nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án trên những chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án xác định như sau:

Bà H và ông H kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn ngày 05/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã MP. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống ngày càng trầm trọng. Vợ chồng bà H ly thân đã 01 năm. Nay thấy không thể hàn gắn được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông H. Ông H không đến Tòa án để giải quyết tranh chấp, không đưa ra bất kỳ giải pháp nào hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông H là trầm trọng. Yêu cầu xin ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung không có.

Về yêu cầu chia tài sản chung: Ngày 23/4/2018, bà H có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung khi ly hôn. Lý do để bà tự thương lượng giải quyết. Xét thấy việc rút yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của bà H là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai đe dọa ép buộc nên được chấp nhận theo điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà H. Bà H được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

Về nợ chung:

Ngày 03/4/2018, Ngân hàng chính sách huyện THcó đơn khởi kiện yêu cầu bà H và ông H liên đới trả 4.000.000đ đã vay ngày 21/02/2014 và 4.000.000đ tiền đã vay ngày 21/3/2014 là hai khoản nợ của chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Mặc dù đến ngày 21/3/2019 mới đến hạn trả nợ, nhưng phía bà H thống nhất yêu cầu giải quyết phần nợ này trong vụ án này nên Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005.

Cho đến nay, bà H không cung cấp được bất kỳ tài liệu nào thể hiện là đã trả nợ xong, nên yêu cầu khởi kiện của đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện TH là có căn cứ cấp nhận, cụ thể như sau:

Khoản vay ngày 21/02/2014: Đến ngày 27/6/2018 bà H và ông H phải trả cho ngân hàng tiền lãi là 1.684.968đ. Bà H đã trả 1.663.926đ tiền lãi. Tổng tiền lãi và gốc bà H và ông H phải trả là gốc 4.000.000đ + 21.042đ = 4.021.042đ.

Khoản vay ngày 21/3/2014: Đến ngày 27/6/2018 bà H và ông H phải trả cho ngân hàng 1.659.991đ. Bà H đã trả 1.638.950đ tiền lãi. Tổng tiền lãi và gốc bà H và ông H phải trả là gốc 4.000.000đ + 21.042đ = 4.021.042đ. Tổng cộng hai khoản là 8.042.082đ. Kể từ ngày 28/6/2018 bà H và ông H phải thêm tiền lãi theo hợp đồng vay vốn đã ký kết với ngân hàng.

Về trách nhiệm trả nợ: Bà H vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội huyện TH mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống vợ chồng bà, nên đại diện của ngân hàng yêu cầu ông H liên đới trả nợ là có căn cứ chấp nhận theo Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

Kể từ ngày 28/6/2018, bà H và ông H còn phải chịu lãi suất theo như thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn đã ký kết.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà H và Ngân hàng chính sách xã hội huyện TH là có căn cứ chấp nhận như lời đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện X.

[3] Về án phí: Bà Mai Kim H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm.

Bà Mai Kim H và ông Lê Văn H phải liên đới chịu 402.000đ tiền án phí do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội huyện TH được chấp nhận. Được khấu trừ vào số tiền 1.200.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0003130, ngày 23/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An. Hoàn lại cho bà Mai Kim H 498.000đ tiền tạm ứng án phí còn thừa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Kim H đối với ông Lê Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Kim H được ly hôn với ông Lê Văn H.

2/ Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của bà Mai Kim H. Bà Mai Kim H được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

3/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội huyện TH, tỉnh Long An.

Buộc bà Mai Kim H và ông Lê Văn H phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện TH, tỉnh Long An như sau:

Khoản vay ngày 21/02/2014: Tiền gốc 4.000.000đ + tiền lãi 21.042đ = 4.021.042đ (Tiền lãi tạm tính đến ngày 27/6/2018).

Khoản vay ngày 21/3/2014: Tiền gốc 4.000.000đ + tiền lãi 21.042đ = 4.021.042đ (Tiền lãi tạm tính đến ngày 27/6/2018).

Kể từ ngày 28/6/2018, bà Mai Kim H và ông Lê Văn H còn phải chịu lãi suất theo như thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn đã ký kết.

3/ Về án phí: Bà Mai Kim H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm.

Bà Mai Kim H và ông Lê Văn H phải liên đới chịu 402.000đ tiền án phí do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội huyện TH, tỉnh Long An được chấp nhận.

Số tiền án phí được khấu trừ vào 1.200.000đ bà Mai Kim H đã nộp theo biên lai thu số 0003130, ngày 23/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An. Hoàn lại cho bà Mai Kim H 498.000đ tiền tạm ứng án phí còn thừa.

Án xử sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã MP;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng